



ĐÀO TẠO TÍN CHỈ VÀ NHỮNG HÀM Ý CHO PHƯƠNG PHÁP DẠY - HỌC Ở ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Nguyễn Hữu Thành¹

¹ Trường Cao đẳng Công nghệ, Đại học Đà Nẵng

Thông tin chung:

Ngày nhận: 22/10/2013

Ngày chấp nhận: 25/12/2013

Title:

Credit training and implications for teaching methods - study ud

Từ khóa:

Tin chỉ - Tự học - Phương pháp - Đào tạo - Nghiên cứu

Keywords:

Credit - Self-study - Methodology - Training - Research

ABSTRACT

Credit is the quantity used to measure the volume of knowledge and skills required in a course that students need to accumulate in an allowed amount of time. The implementation of credit –based training system in Danang University manifests student-centered approach, in which students are exposed to and construct knowledge, towards meeting the demands of the job market. The credit-based training system allows students to choose the courses designed in the program, many of which can be replaced with each other and equally useful.

TÓM TẮT

Tín chỉ là đại lượng dùng để đo khối lượng kiến thức, kỹ năng của một môn học mà người học cần phải tích lũy trong một khoảng thời gian nhất định thông qua các hình thức. Việc áp dụng hệ thống đào tạo theo tín chỉ ở ĐHQĐN chỉ phản ánh quan điểm lấy người học làm trung tâm, người học là người tiếp nhận kiến thức nhưng đồng thời cũng là người chủ động tạo kiến thức, hướng tới đáp ứng những nhu cầu của thị trường lao động ngoài xã hội. Nó cho phép họ chọn trong số những môn học được thiết kế trong chương trình, nhiều trong số những môn học đó có thể thay thế được với nhau và hữu ích như nhau.

1 ĐẶT VẤN ĐỀ

Bài viết này không dự định trình bày lại những bước đi trong lộ trình áp dụng phương thức đào tạo theo tín chỉ ở Đại học Đà Nẵng. Thay vào đó, để phục vụ cho chủ đề của hội thảo, bài viết sẽ bắt đầu bằng việc trình bày lịch sử của giờ tín chỉ. Sau đó bài viết sẽ trả lời câu hỏi: “Tín chỉ là gì?”, nêu bật những đặc điểm chính của phương thức đào tạo theo tín chỉ, những lợi thế của phương thức đào tạo này so với phương thức đào tạo truyền thống. Cuối cùng bài viết sẽ đề xuất một số gợi ý về phương pháp giảng dạy – học ở bậc đại học, cao đẳng trong hệ thống đào tạo theo tín chỉ, nêu bật vai trò của người dạy và người học trong hệ hình đào tạo mới, tạo hiệu quả cao trong dạy, học và nghiên cứu theo

phương thức đào tạo tín chỉ ở Việt Nam nói chung và ở Đại học Đà Nẵng nói riêng.

2 LỊCH SỬ CỦA GIỜ TÍN CHỈ

Trước hết phải khẳng định rằng phương thức đào tạo theo tín chỉ là sản phẩm trí tuệ của người Mỹ. Nó được hình thành và phát triển để phục vụ cho các mục đích cụ thể của nền giáo dục nước này. Vào cuối thế kỉ XIX, ở Mỹ số lượng học sinh trung học phổ thông ghi danh vào học đại học ngày càng tăng, gây áp lực không nhỏ cho quá trình xét tuyển của các trường đại học. Do đó, hệ thống tín chỉ được thiết kế ra để ghi lại và giải thích một cách tường minh năng lực học tập của học sinh trung học phổ thông, giúp các chuyên viên trong các phòng đào tạo của các trường đại học có căn cứ

tin cậy để tuyển chọn được những sinh viên có chất lượng theo những chuẩn mực mà trường đại học của mình đề ra. Từ nguồn gốc đó, hệ thống tín chỉ dần dần thâm nhập vào các trường đại học, lúc đầu chỉ để ghi lại điểm số của các môn học lựa chọn, sau đó, do áp lực của các nhà tài trợ, các tổ chức từ thiện yêu cầu phải làm rõ hay lượng hóa năng lực chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp của sinh viên và hiệu quả đào tạo của trường đại học, hệ thống tín chỉ được mở rộng ra tất cả các môn học thuộc các khối kiến thức khác trong chương trình đại học và trở thành một phương thức đào tạo chính thức, thay thế cho phương thức đào tạo truyền thống mà những thế hệ cha ông của người Mỹ mang đến từ châu Âu.

Mặt khác, nhà nghiên cứu Gerhad (1955, dẫn theo Shedd 2003) lại chia tiến trình phát triển phương thức đào tạo theo tín chỉ ở Mỹ ra thành hai giai đoạn:

– Giai đoạn 1 (từ những năm 1870 đến những năm 1880): sự xuất hiện của hệ thống tín chỉ ở trung học phổ thông, các trường đại học bắt đầu đo hiệu suất giảng dạy và học tập theo môn học và theo các đơn vị giờ học.

– Giai đoạn 2 (khoảng cuối thế kỉ XIX đến nay): các trường trung học và đại học giao đơn vị tín chỉ cho các môn học và xác định những điều kiện tốt nghiệp theo tín chỉ.

Ở Châu Á, tín chỉ cũng được áp dụng mạnh mẽ, bắt đầu từ Nhật Bản, Singapore, Đài Loan, Hàn Quốc, Ấn Độ, Thái Lan, Malaysia, Indonesia, Phillipine, Trung Quốc. Phương thức đào tạo theo tín chỉ cũng được áp dụng mạnh mẽ ở các nước thuộc Khối Liên hiệp Anh ở Nam Thái Bình Dương như Australia, New Zealand...

3 TÍN CHỈ LÀ GÌ

Trong kho tàng các tư liệu nghiên cứu, có khoảng hơn 60 định nghĩa về tín chỉ. Có định nghĩa coi trọng khía cạnh định tính, có định nghĩa coi trọng khía cạnh định lượng, có định nghĩa nhấn mạnh vào chuẩn đầu ra của sinh viên, có định nghĩa lại nhấn mạnh vào các mục tiêu của một chương trình học. Một định nghĩa về tín chỉ được các nhà quản lý và các nhà nghiên cứu giáo dục ở Việt Nam biết đến nhiều nhất có lẽ là của học giả người Mỹ gốc Trung Quốc James Quann thuộc Đại học Washington. Trong buổi thuyết trình về hệ thống đào tạo theo tín chỉ tại Đại học Khoa học Công nghệ Hoa Trung, Vũ Hán mùa hè năm 1995, học giả James Quann trình bày cách hiểu của ông về tín chỉ như:

Tín chỉ học tập là một đại lượng đo toàn bộ thời gian bắt buộc của một người học bình thường để học một môn học cụ thể, bao gồm (1) thời gian lên lớp (2) thời gian ở trong phòng thí nghiệm, thực tập hoặc các phần việc khác đã được quy định ở thời khóa biểu và (3) thời gian dành cho đọc sách, nghiên cứu, giải quyết vấn đề, viết hoặc chuẩn bị bài... đối với các môn học lí thuyết một tín chỉ là một giờ lên lớp (với hai giờ chuẩn bị bài) trong một tuần và kéo dài trong một học kì 15 tuần đối với các môn học ở studio hay phòng thí nghiệm, ít nhất là 2 giờ trong một tuần (với 1 giờ chuẩn bị) đối với các môn tự học, ít nhất là 3 giờ làm việc trong một tuần.

Từ định nghĩa trên, kết hợp với nghiên cứu những định nghĩa khác về tín chỉ và thực tế đào tạo của đơn vị, tín chỉ theo cách hiểu của tôi được cụ thể hóa như sau:

Tín chỉ còn được hiểu là khối lượng lao động của người học trong một khoảng thời gian nhất định trong những điều kiện học tập tiêu chuẩn (1) học tập trên lớp; (2) học tập trong phòng thí nghiệm, thực tập hoặc làm các phần việc khác (có sự hướng dẫn của giáo viên¹); và (3) tự học ngoài lớp như đọc sách, nghiên cứu, giải quyết vấn đề hoặc chuẩn bị bài...

Thứ nhất, hoạt động dạy – học theo tín chỉ được tổ chức theo ba hình thức: *lên lớp*, *thực hành*, và *tự học*. Trong ba hình thức tổ chức dạy – học này, hai hình thức đầu được tổ chức có sự tiếp xúc trực tiếp giữa giáo viên và sinh viên (giáo viên giảng bài, hướng dẫn, sinh viên nghe giảng, thực hành, thực tập dưới sự hướng dẫn của giáo viên,...), hình thức thứ ba không có sự tiếp xúc trực tiếp giữa giáo viên và sinh viên (giáo viên giao nội dung để sinh viên tự học, tự nghiên cứu, tự thực hành). Ba hình thức tổ chức dạy – học này tương ứng với ba kiểu giờ tín chỉ: *giờ tín chỉ lên lớp*, *giờ tín chỉ thực hành* và *giờ tín chỉ tự học*.

Thứ hai, trong ba hình thức tổ chức dạy – học, cụ thể là trong ba kiểu giờ tín chỉ, lượng kiến thức sinh viên thu được có thể khác nhau nhưng để thuận tiện cho việc tính toán (giờ chuẩn cho giáo viên, kinh phí cho từng môn học, nhân lực để phục vụ cho dạy – học,...) ba kiểu giờ tín chỉ này được coi là có giá trị ngang nhau.

Đặc điểm cuối cùng nhưng không kém phần quan trọng là, khác với phương thức đào tạo truyền thống, phương thức đào tạo theo tín chỉ xem tự học như là một thành phần hợp pháp trong cơ cấu giờ học của sinh viên: ngoài việc nghe giảng và thực

hành trên lớp, sinh viên được giao những nội dung để tự học, tự thực hành, tự nghiên cứu; những nội dung này được đưa vào thời khóa biểu để phục vụ cho công tác quản lý và quan trọng hơn, chúng phải được đưa vào nội dung các bài kiểm tra thường xuyên và bài thi hết môn học.

4 NHỮNG LỢI THẾ CỦA PHƯƠNG THỨC ĐÀO TẠO THEO TÍN CHỈ

Đến đây, một câu hỏi khác có thể đặt ra là: “Phương thức đào tạo theo tín chỉ có những thế lợi gì so với phương thức đào tạo truyền thống?”.

Trong phương thức đào tạo theo tín chỉ, tự học, tự nghiên cứu của sinh viên được coi trọng được tính vào nội dung và thời lượng của chương trình. Đây là phương thức đưa giáo dục đại học về với đúng nghĩa của nó: người học tự học, tự nghiên cứu, giảm sự nhồi nhét kiến thức của người dạy, và do đó, phát huy được tính chủ động, sáng tạo của người học. Đây là lợi thế thứ nhất của phương thức đào tạo theo tín chỉ.

Lợi thế thứ hai của phương thức đào tạo theo tín chỉ liên quan đến độ mềm dẻo và linh hoạt của chương trình. Chương trình được thiết kế theo phương thức đào tạo tín chỉ bao gồm một hệ thống những môn học thuộc khối kiến thức chung, những môn học thuộc khối kiến thức chuyên ngành, những môn học thuộc khối kiến thức cận chuyên ngành. Mỗi khối kiến thức đều có số lượng những môn học lớn hơn số lượng các môn học hay số lượng tín chỉ được yêu cầu, sinh viên có thể tham khảo giáo viên hoặc cố vấn học tập để chọn những môn học phù hợp với mình, để hoàn thành những yêu cầu cho một văn bằng và để phục vụ cho nghề nghiệp tương lai của mình.

Lợi thế thứ ba do chính đặc điểm “tích lũy tín chỉ” trong phương thức đào tạo theo tín chỉ mang lại. Sinh viên được cấp bằng khi đã tích lũy được đầy đủ số lượng tín chỉ do trường đại học quy định, do vậy họ có thể hoàn thành những điều kiện để được cấp bằng tùy theo khả năng và nguồn lực (thời lực, tài lực, sức khỏe,...) của cá nhân.

Lợi thế thứ tư là, phương thức đào tạo theo tín chỉ phản ánh được những mối quan tâm và những yêu cầu của người học như là những người sử dụng kiến thức và nhu cầu của các nhà sử dụng lao động trong các tổ chức kinh doanh và tổ chức nhà nước.

Lợi thế thứ năm là, chuyển sang phương thức đào tạo theo tín chỉ sẽ tạo được sự liên thông giữa các cơ sở đào tạo đại học trong và ngoài nước. Một khi sự liên thông được mở rộng, nhiều trường đại

học công nhận chất lượng đào tạo của nhau, người học có thể dễ dàng di chuyển từ trường đại học này sang học ở trường đại học kia (kể cả trong và ngoài nước) mà không gặp khó khăn trong việc chuyển đổi tín chỉ. Kết quả là, áp dụng phương thức đào tạo theo tín chỉ sẽ khuyến khích sự di chuyển của sinh viên, mở rộng sự lựa chọn học tập của họ, làm tăng độ minh bạch của hệ thống giáo dục, và giúp cho việc so sánh giữa các hệ thống giáo dục đại học trên thế giới được dễ dàng hơn.

5 MỘT SỐ HÀM Ý CHO PHƯƠNG PHÁP DẠY – HỌC Ở BẬC ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG

Phương thức đào tạo theo tín chỉ không những có lợi cho giáo viên và sinh viên mà còn có lợi cho các nhà quản lý ở một số khía cạnh sau.

Thứ nhất, nó vừa là thước đo khả năng học tập của người học, vừa là thước đo hiệu quả và thời gian làm việc của giáo viên.

Thứ hai, nó là cơ sở để các trường đại học tính toán ngân sách chi tiêu, nguồn nhân lực, có lợi không những cho tính toán ngân sách nội bộ mà còn cả cho việc tính toán để xin tài trợ từ nguồn ngân sách nhà nước và các nhà tài trợ khác.

Thứ ba, nó là cơ sở để báo cáo các số liệu của trường đại học cho các cơ quan cấp trên và các đơn vị liên quan: một khi thước đo giờ tín chỉ được phát triển và kiện toàn, việc sử dụng nó như là một phương tiện để giám sát bên ngoài, để báo cáo và quản lý hành chính sẽ hữu hiệu hơn.

Đến đây, câu hỏi tiếp theo có thể đặt ra là: “Có phương pháp giảng dạy dành riêng cho phương thức đào tạo theo tín chỉ không?” Câu trả lời của tôi là, tùy thuộc vào cách nhìn nhận của từng người. Nếu nhìn phương thức đào tạo theo tín chỉ như là sự tiến hóa của phương thức đào tạo truyền thống thì có thể khẳng định không có phương pháp giảng dạy dành riêng cho phương thức đào tạo theo tín chỉ. Ngược lại, nếu xem phương thức đào tạo theo tín chỉ là một hệ hình đối lập với phương thức đào tạo truyền thống và lấy phương thức đào tạo truyền thống làm điểm quy chiếu thì phương thức đào tạo theo tín chỉ có phương pháp giảng dạy riêng của nó.

Như trên đã đề cập, phương thức đào tạo theo tín chỉ là phương thức đặt dạy – học ở đại học vào đúng với bản chất của nó: nó đặt người học vào vị trí trung tâm của quá trình dạy – học, tạo cho họ thói quen tự học, tự khám phá kiến thức, có kỹ năng giải quyết vấn đề, tự chủ động thời gian hoàn thành một môn học, một chương trình cử nhân hay thạc

sĩ. Nó khắc phục được việc học lệch, học tủ, dẫn đến coi cốp trong kiểm tra và trong các kì thi. Hơn nữa, trong phương thức đào tạo theo tín chỉ, hầu như bất kì môn học nào cũng bao gồm ít nhất hai trong ba hình thức tổ chức dạy – học: giảng bài của giáo viên, thực tập, thực hành của sinh viên dưới sự hướng dẫn của giáo viên và tự học, tự nghiên cứu của sinh viên. Trong các hình thức tổ chức dạy học này, nghe giảng, thực hành thực tập và tự học có mối liên hệ hữu cơ với nhau, hỗ trợ cho nhau giúp người học nắm kiến thức và tạo kiến thức một cách hiệu quả hơn. Người học sẽ thấy khó hiểu hoặc không hiểu bài giảng của giáo viên nếu họ không đọc trước những nội dung được giao tự học, tự nghiên cứu ở nhà. Ngược lại, người học sẽ không thể sáng tạo nếu không biết được tri thức của môn học đã được nghiên cứu đến đâu, chỗ nào còn bỏ ngõ. Sẽ không có phương pháp dạy – học theo tín chỉ nếu không xác định lại vai trò của người dạy và người học. Vậy, “Trong phương thức đào tạo theo tín chỉ, người dạy và người học có những vai trò gì?”. Câu trả lời sẽ được chúng tôi trình bày trong các tiểu mục dưới đây.

5.1 Vai trò người dạy

Trong phương thức đào tạo truyền thống, người dạy có một số vai trò, trong đó hai vai trò nổi bật nhất là “người toàn tri” (người biết mọi tri thức về môn học liên quan) và “người quyết định mọi hoạt động dạy – học trong lớp học”. Trong vai trò thứ nhất, người dạy được xem như là nguồn kiến thức duy nhất và người học chỉ cần tiếp thu được nguồn kiến thức này từ người dạy là đủ. Trong vai trò thứ hai, người dạy được xem như là người có toàn quyền quyết định dạy cái gì (nội dung) và dạy như thế nào (phương pháp); người học được xem là những “con chiên” ngoan đạo, nghe giảng bài, ghi chép và học thuộc những gì được dạy, không được phép can thiệp vào những công việc của người dạy.

Trong phương thức đào tạo theo tín chỉ, hai vai trò đã nêu ở trên ở một mức độ nào đó vẫn được duy trì. Tuy nhiên, người dạy phải đảm nhiệm thêm ít nhất ba vai trò nữa; đó là cố vấn cho quá trình học tập; người tham gia vào quá trình học tập; và người học và nhà nghiên cứu.

Với tư cách là cố vấn cho quá trình học tập, khi giảng bài cũng như khi hướng dẫn thảo luận, người dạy phải chọn những vấn đề cốt lõi, quan trọng để giảng mà nếu không có người dạy thì người học khó có thể lĩnh hội được, tạo điều kiện cho người học tiếp thu và khám phá tiếp kiến thức. Là cố vấn cho quá trình học tập, người dạy sẽ:

Người dạy có thể đóng góp khả năng và kiến thức của mình vào việc tìm hiểu bản chất của quá trình dạy – học nói chung, bản chất của quá trình học một môn học nói riêng, những yếu tố tâm lí – xã hội ảnh hưởng đến quá trình dạy – học môn học đó. Ngoài ra, thông qua nghiên cứu, người học sẽ ý thức được rằng dạy – học là một nhiệm vụ liên nhân – một nhiệm vụ mà cả người dạy và người học đều có trách nhiệm tham gia, trong đó học có vai trò trung tâm, dạy có vai trò hỗ trợ, và mục tiêu học tập chi phối toàn bộ quá trình dạy – học.

Người dạy cần đầu tư suy nghĩ thiết kế giờ dạy để tạo hứng thú cho người học, buộc người học phải tích cực hoạt động cùng người dạy trong tiết dạy học.

Cải tiến phương pháp dạy học theo hướng lấy người học làm trung tâm của Nhà trường, người dạy cần sử dụng tối đa sự trợ giúp của các phương tiện công nghệ thông tin, để làm được điều này các thao tác thể hiện nội dung bài dạy cần được tính toán một cách khoa học và nghệ thuật, đảm bảo sử dụng đúng lúc, đúng chỗ để mang lại hiệu quả cao. Trên thực tế có những người dạy trình chiếu y nguyên nội dung bài học như trong giáo trình và diễn thuyết để cho người học chép để tránh tình trạng này người dạy có thể tham khảo một giờ lên lớp được xây dựng như sau:

- Xác định thời gian, chủ đề, nội dung, yêu cầu cho giờ lên lớp lý thuyết.
- Cụ thể hóa phần nội dung người dạy trình bày.
- Giới thiệu mục tiêu bài học và các yêu cầu cần thực hiện.
- Trình bày cấu trúc nội dung dạy học và logic các đơn vị kiến thức của bài giảng.
- Lựa chọn và truyền tải nội dung trình bày trên lớp, nội dung cốt lõi cần trình bày.
- Nội dung, vấn đề người học để người học trình bày và thảo luận trên lớp.
- Nội dung, vấn đề người học cần giải quyết khi làm việc theo nhóm...

Quá trình lên lớp chính là quá trình thực hiện thiết kế mà người dạy đã xây dựng, tuy nhiên để phát huy tốt việc tự học của người học trong giờ lên lớp người dạy cần chú ý các vấn đề như:

- Tích cực động viên kiến thức người học đã có để tiếp thu cái mới: người dạy không nhắc lại kiến thức cũ mà thông qua đề cương hoặc sơ đồ đã giao cho người học chuẩn bị trên cơ sở đó kiểm tra,

bổ sung phần kiến thức người học nắm chưa chắc hoặc nội dung cần mở rộng.

– Khai thác tối đa những tình huống có vấn đề để phát huy vai trò chủ động tìm hiểu khám phá kiến thức và khả năng tư duy của người học.

– Chuẩn bị, lựa chọn các ví dụ ngoài giáo trình, các ví dụ có tính thực tiễn, sinh động. Công việc này cũng là một cách làm gương cho người học về vấn đề tự học.

– Khai thác và áp dụng linh hoạt sơ đồ, biểu, bảng trong bài giảng: Điều này sẽ giúp người học dễ hiểu, dễ nhớ, người học buộc phải sử dụng ngôn ngữ của mình để biểu đạt nhờ vậy khả năng tư duy logic và diễn đạt được nâng cao.

– Chốt lại mạch kiến thức và các kiến thức cốt lõi.

Tóm lại tất cả những công việc chuẩn bị của người dạy đều phải hướng tới một mục đích là: yêu cầu người học cũng phải có sự đầu tư, chuẩn bị chu đáo nhằm có thể tích cực đóng góp xây dựng bài và tiếp thu tốt nội dung bài học.

5.2 Vai trò của người học

Trong phương thức đào tạo theo tín chỉ, người học phải được tạo điều kiện để thực sự trở thành **người đàm phán** tích cực và có hiệu quả: với chính mình trong quá trình học tập, với mục tiêu học tập, với các thành viên trong nhóm và trong lớp học, và với người dạy.

Sinh viên đại học trong xã hội hiện đại không chỉ là những người thu nhận kiến thức thụ động từ giáo viên và từ sách vở mà điều quan trọng là họ phải là những **người biết cách học như thế nào**. Quá trình điều chỉnh này được gọi là quá trình **đàm phán với chính mình trong quá trình học tập** để đạt được những mục tiêu mà môn học đề ra. Hơn nữa, học không hoàn toàn là một hoạt động cá nhân; nó xảy ra trong một môi trường văn hóa xã hội nhất định trong đó sự tương tác giữa những người học với nhau có vai trò hết sức quan trọng trong thu nhận và tạo kiến thức. Xem học như là một vấn đề cá nhân thì không khác nào xem quá trình này xảy ra trong chân không, và có lẽ cách nhìn này không phù hợp với thế giới hiện đại, một thế giới trong đó hội nhập và toàn cầu hóa đang đang là xu thế tất yếu. Thực tế này yêu cầu người học phải có thêm một vai trò nữa; đó là, vai trò của **người cùng đàm phán trong nhóm và trong lớp học**.

Vì dạy – học theo trường lớp thường là một quá trình cộng sinh, cho nên ngoài những vai trò đã kể

trên, người học trong phương thức đào tạo theo tín chỉ còn phải đảm nhiệm thêm một vai trò quan trọng nữa; đó là, **người tham gia vào môi trường cộng tác dạy – học**. Trong vai trò này, người học được xem như là một thành phần hợp pháp trong quá trình dạy – học. Họ hoạt động vừa như là những cộng sự với người dạy trong việc xác định nội dung và phương pháp giảng dạy, vừa như là người cung cấp thông tin phản hồi về bản thân mình như là những người học (trình độ, khó khăn, thuận lợi, nhu cầu, chờ đợi, mong muốn về môn học,...) cho người dạy để người dạy có thể điều chỉnh nội dung, phương pháp và thủ thuật giảng dạy phù hợp, tăng hiệu quả dạy – học.

Căn cứ vào phân bổ chuẩn và cây chương trình, người học có thể tham khảo để tự mình thiết kế kế hoạch và tiến độ học tập của toàn khóa học- tùy biến theo điều kiện riêng của cá nhân, làm cơ sở để đăng ký thời khóa biểu học tập mỗi học kỳ.

Số lượng tín chỉ của mỗi học phần, tỉ lệ lý thuyết - thực hành - thực tập - đồ án của mỗi chương trình đào tạo được xác định phù hợp với khối lượng kiến thức và kỹ năng cần phải hình thành cho người học. Các học phần tiên quyết, song hành đối với mỗi học phần đều được nêu cụ thể trong chương trình bảo đảm tính logic của chương trình đào tạo.

Các học phần tự chọn cho phép bổ sung để nâng các học phần mới, đáp ứng yêu cầu cập nhật thường xuyên chương trình đào tạo, đồng thời đáp ứng các yêu cầu linh hoạt của thị trường lao động.

6 KẾT LUẬN

Để hiểu rõ hơn bản chất của phương thức đào tạo theo tín chỉ, tôi đã khảo sát lại khái niệm chủ chốt này. Lấy thời gian làm thước đo chủ yếu, tín chỉ được xem là đại lượng dùng để đo khối lượng kiến thức, kỹ năng của một môn học mà người học cần phải tích lũy trong một khoảng thời gian nhất định thông qua các hình thức: (1) học tập trên lớp (2) học tập trong phòng thí nghiệm, thực tập hoặc làm các phần việc khác và (3) tự học ngoài lớp như đọc sách, nghiên cứu, giải quyết vấn đề hoặc chuẩn bị bài... Từ khái niệm cơ bản này tôi đã thảo luận những lợi thế của phương thức đào tạo theo tín chỉ so với phương thức đào tạo truyền thống.

Mọi phương thức đào tạo đều lấy quá trình dạy – học làm trọng tâm. Tuy nhiên, trong phương thức đào tạo truyền thống, vai trò của người dạy được coi trọng (lấy người dạy làm trung tâm). Ngược lại, trong phương thức đào tạo theo tín chỉ, vai trò của người học được đặc biệt coi trọng (lấy người học làm trung tâm). Đường hướng lấy người học làm

trung tâm được quán triệt từ khâu thiết kế chương trình, biên soạn nội dung giảng dạy và sử dụng phương pháp giảng dạy.

Để có phương pháp dạy – học theo đúng nghĩa của phương thức đào tạo tín chỉ, điểm mấu chốt đầu tiên là phải xác định lại vai trò của người dạy và người học. Trong bài viết của mình, tôi đã cố gắng đề xuất một số gợi ý liên quan đến phương pháp dạy – học theo phương thức đào tạo tín chỉ, trong những gợi ý đó, gợi ý quan trọng nhất có lẽ là do đặc điểm của giờ tín chỉ, người dạy có thể cần nhắc những gì mình dạy và hướng dẫn người học trên lớp, những gì giao cho người học tự học, tự nghiên cứu và cuối cùng để phương pháp dạy – học theo phương thức tín chỉ có hiệu quả, mọi nội dung giảng dạy của giáo viên, mọi nội dung tự học, tự nghiên cứu của sinh viên liên quan đến môn học đều phải được đưa vào nội dung các bài kiểm tra thường xuyên và các bài thi hết môn học.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đặng Quốc Bảo (1997), *Những vấn đề cơ bản về quản lý giáo dục*, trường cán bộ quản lý giáo dục đào tạo, Hà Nội.
2. Trần Kiểm, *Khoa học quản lý giáo dục, một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Giáo dục.
3. Nguyễn Việt Sự (2003), *Đổi mới phương pháp quản lý trong các trường đào tạo nghề đáp ứng sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, Kỷ yếu hội thảo về dạy nghề 9/2003*.
4. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2002), *Giáo trình khoa học quản lý*, Nxb Chính trị quốc gia Hà Nội.
5. Nguyễn Thị Hằng (2002), *Đào tạo nghề đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế- xã hội những năm đầu thế kỷ XXI, Lao động & Xã hội*.
6. Nguyễn Thị Mỹ Lộc, Nguyễn Quốc Chí (1996), *Lý luận đại cương về quản lý*, Trường CBQL giáo dục và đào tạo.
7. Phạm Minh Hạc (1991), *Vấn đề giáo dục và kế hoạch hóa giáo dục*, Nxb Giáo dục.